

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 51/2026/DS-ST

Ngày: 07/4/2026

V/v: Tranh chấp về hợp đồng góp
vốn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Qui

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thanh Nhân

2. Bà Nguyễn Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Khắc Cường – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Thành – Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 07 tháng 04 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 241/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2025, về tranh chấp hợp đồng dân sự góp vốn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2026/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 03 năm 2026 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Ông **Nguyễn B**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: **Số A đường T, phường B, tỉnh Lâm Đồng.**

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Đỗ Lê Phương U**, sinh năm 2002.

Địa chỉ: **Số nhà B đường N, Phường B B, tỉnh Lâm Đồng.** Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 15/10/2025). **(có đơn xin vắng mặt)**

+ Bị đơn: Ông **Đặng Thiệu Q**, sinh năm 1978

Địa chỉ: **Số D đường T, phường B, tỉnh Lâm Đồng.** **(có đơn xin vắng mặt)**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Tại đơn khởi kiện nộp ngày 06/10/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà **Đỗ Lê Phương U** trình bày **Uyên H:**

Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 01/7/2022 ông **Nguyễn B** có góp vốn làm ăn kinh doanh cùng với ông **Đặng Thiệu Q** số tiền 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng) hai bên thỏa thuận tỉ lệ lợi nhuận là 03%/01 tháng, tương đương 24.000.000đ/01 tháng, thời hạn góp vốn là 12 tháng. Khi góp vốn ông **Q** không nói cho ông **B** biết cụ thể việc góp vốn để kinh doanh lĩnh vực gì. Đến nay đã quá thời hạn trả lại tiền vốn dù ông **B** đã nhiều lần nhắn tin, điện thoại nhưng ông **Q** chưa trả.

Nay ông B yêu cầu ông Q phải trả số tiền góp vốn là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng). Ngoài ra ông B không yêu cầu gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đặng Thiệu Q trình bày: Vào ngày 01/7/2022 ông B có góp vốn kinh doanh số tiền 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng) hai bên thỏa thuận tỉ lệ lợi nhuận là 03%/01 tháng, tương đương 24.000.000đ/01 tháng, thời hạn góp vốn là 12 tháng, kể từ ngày 01/7/2022 đến 01/7/2023. Nay ông B khởi kiện thì ông xin trả dần hàng tháng cho đến khi xong khoản góp vốn trên.

Ngày 26/01/2026 Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bình B1 ông Đặng Thiệu Q trả cho ông Nguyễn B số tiền gốc là 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng).

Về án phí buộc bị đơn phải chịu 36.000.000đ (ba mươi sáu triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Nguyễn B khởi kiện tranh chấp hợp đồng **góp vốn** với bị đơn là ông Đặng Thiệu Q, cư trú tại địa chỉ: Phường B, tỉnh Lâm Đồng. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hợp đồng **góp vốn** theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Lâm Đồng theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Đại diện ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn có đơn xin vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Đặng Thiệu Q, trả số tiền 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng) thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp thấy rằng: Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận vào ngày 01/7/2022 giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận góp vốn kinh doanh. Hai bên thỏa thuận ông B có góp vốn kinh doanh số tiền 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng) tỉ lệ lợi nhuận là 03%/01 tháng, tương đương 24.000.000đ/01 tháng, thời hạn góp vốn là 12 tháng, kể từ ngày 01/7/2022 đến 01/7/2023. Sau khi thỏa thuận thì nguyên đơn đã giao cho bị đơn số tiền 800.000.000đ, bị đơn thừa nhận đã nhận số tiền 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng) của nguyên đơn để góp vốn làm ăn nhưng không trình bày góp vốn kinh doanh lĩnh vực gì. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “2. Một

bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.

Như vậy, xác định ông **Đặng Thiều Q** có nhận của ông **Nguyễn B** số tiền gốc là 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng), Ông **Q** và ông **B** đều thừa nhận hai bên thỏa thuận góp vốn kinh doanh, nhưng không xác định kinh doanh lĩnh vực gì, thua lỗ như thế nào. Việc ông **Q** xin trả dần hàng tháng cho đến khi xong khoản góp vốn trên ông **B** không đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận, cần buộc ông **Đặng Thiều Q** có trách nhiệm trả cho ông **Nguyễn B** số tiền gốc là 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng) **là có cơ sở.**

[3] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, đã có đủ cơ sở kết luận: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn B** với ông **Đặng Thiều Q** về việc: “Tranh chấp về hợp đồng góp vốn”

[5] Về án phí: Yêu cầu của ông **B** được chấp nhận nên ông **B** không phải chịu án phí. Buộc ông **Đặng Thiều Q** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 36.000.000đ (ba mươi sáu triệu đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều **228 và Điều 238** Bộ luật Tố tụng dân sự
- Áp dụng Điều **385** Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn B** đối với ông **Đặng Thiều Q** về việc: “Tranh chấp về hợp đồng dân sự góp vốn”. Buộc ông **Đặng Thiều Q** có trách nhiệm trả cho ông **Nguyễn B** số tiền 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí:

Ông **Nguyễn B** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông **B** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.000.000đ (mười tám triệu đồng) theo biên lai thu số 0005864 ngày 20/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Buộc ông **Đặng Thiều Q** phải chịu 36.000.000đ (ba mươi sáu triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- + TAND tỉnh Lâm Đồng;
- + VKSND KV4-Lâm Đồng;
- + T.H.A Dân sự tỉnh Lâm Đồng;
- + Các đương sự;
- + Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Qui